

**CÔNG TY TNHH TRAINING UNIPATH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRAINING UNIPATH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIPATH TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: UNIPATH TRAINING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110391229

**3. Ngày thành lập:** 19/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0387404668

Fax:

Email: [info@unipathtraining.com.vn](mailto:info@unipathtraining.com.vn)

Website: [unipathtraining.com.vn](http://unipathtraining.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm đấu giá bán hàng hoá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299     |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8531     |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532     |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư)<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>- Dạy đọc nhanh<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng<br>- Dạy máy tính.<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) | 8559     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên                                                                                                                                                                        | 8560(Chính) |
| 8.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trại hè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9329        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6311        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6619        |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;<br>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, không kể môi giới bất động sản;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền (Sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền) (Loại trừ hoạt động của nhà báo độc lập). | 7490        |
| 17. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1610        |
| 18. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1622        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1629        |
| 20. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2610        |
| 21. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2790        |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4789        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                        | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở)                                                                               | 5510 |
| 25. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm.<br>- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu                                                                                            | 5590 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác | 5610 |
| 27. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                      | 5820 |
| 28. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm)                                                                                                            | 7810 |
| 29. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                             | 7820 |
| 30. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>(Trừ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài)                                                                                                                                     | 7830 |
| 31. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                         | 7911 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                  | 7912 |
| 33. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                    | 7990 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                 | 3314 |
| 35. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                               | 4221 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ QUỲNH ANH   | Việt Nam  | Đội 2, Thôn Cam Lộ, Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                    | 612.000.000           | 34,000    | 030195003026                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN HỒNG LAM    | Việt Nam  | Số 20, Ngách 51, Ngõ Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 270.000.000           | 15,000    | 001091029895                                                                                            |         |
| 3   | LÊ ĐỨC MINH        | Việt Nam  | Thôn 2, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | 270.000.000           | 15,000    | 035089012791                                                                                            |         |
| 4   | HOÀNG THỊ THU HẰNG | Việt Nam  | Thôn 2, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | 648.000.000           | 36,000    | 034190003598                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ THU HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034190003598

Ngày cấp: 22/03/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội